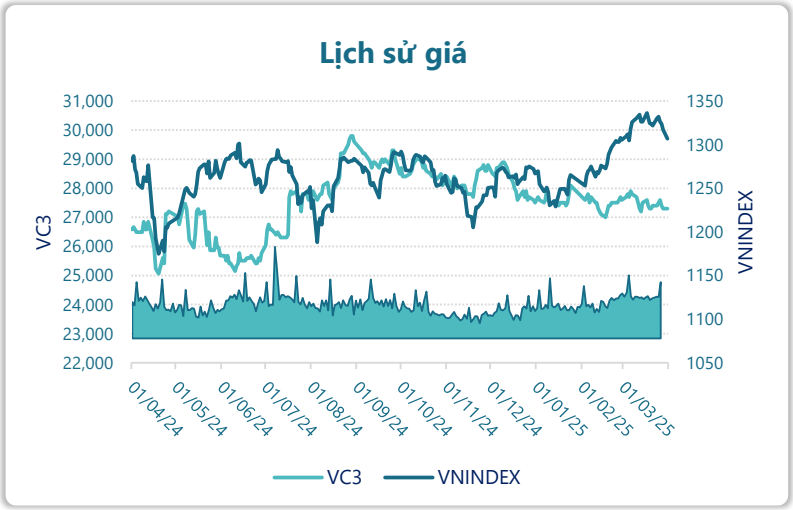
FireAnt

CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông (HNX: VC3)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**27,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,062
SL cổ phiếu LH	125,150,939
KLGD BQ 20 phiên (CP)	606,220
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,417
P/E	54.4
EPS	502

DT thuần

Q1/25

107

tỷ VNĐ

QoQ: ▼50.0| -31.9%

YoY: ▲ 23.7| 28.3%

LN sau thuế

Q1/25

6.54

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.66| -50.5%

YoY: ▼2.58| -28.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

15.6%

+/- YoY: ▼ 7.7%

DT thuần

2024

611

tỷ VNĐ

YoY: ▼195| -24.2%

LN sau thuế

2024

65.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼75.5| -53.6%

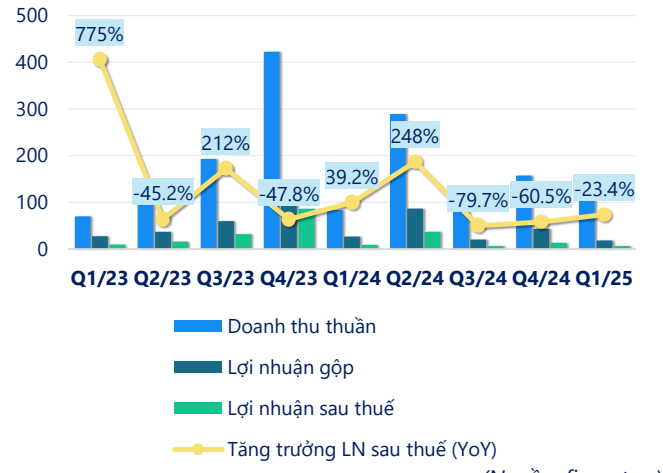
ROE

2024

4.8%

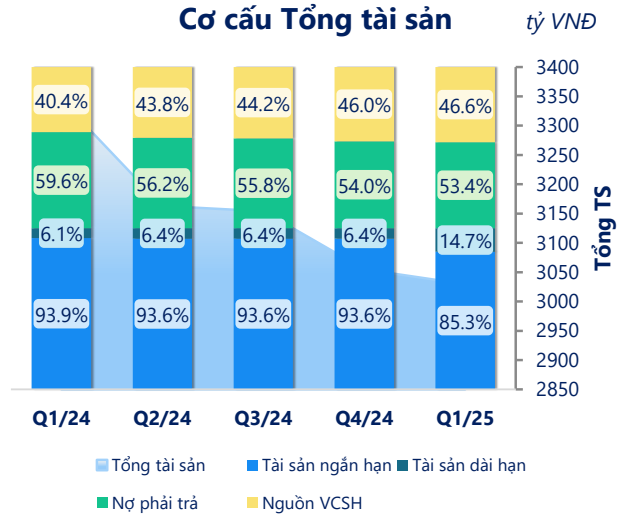
+/- YoY: ▼ 6.3%

Kết quả kinh doanh



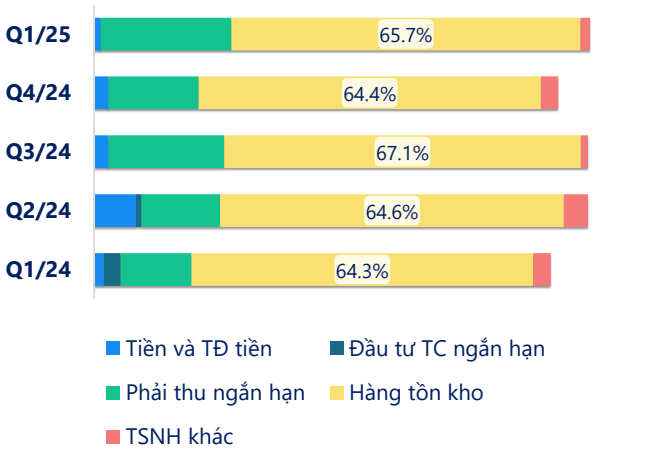
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



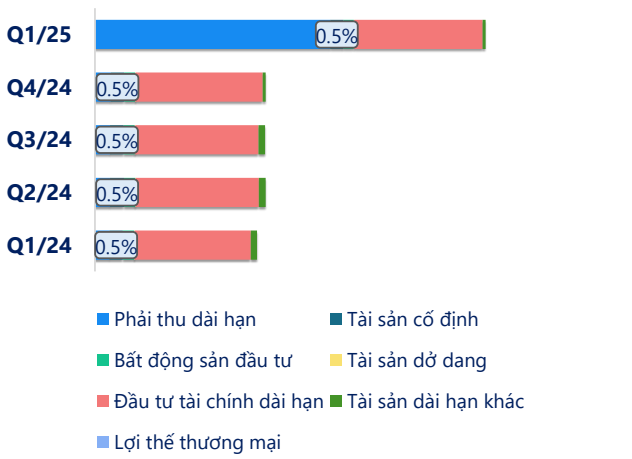
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



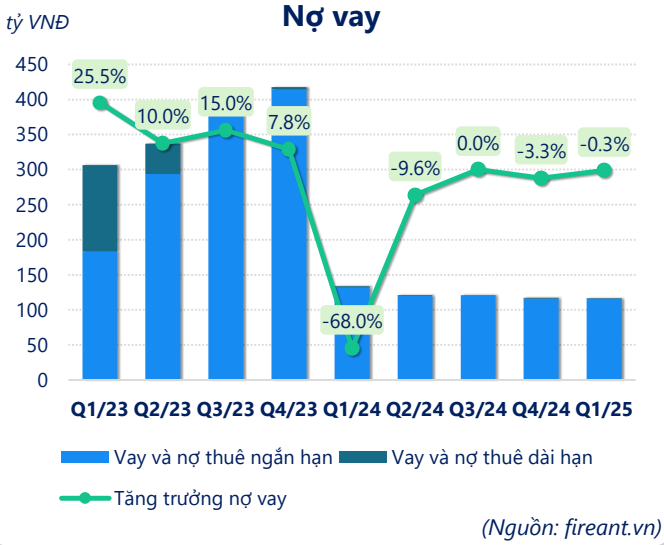
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



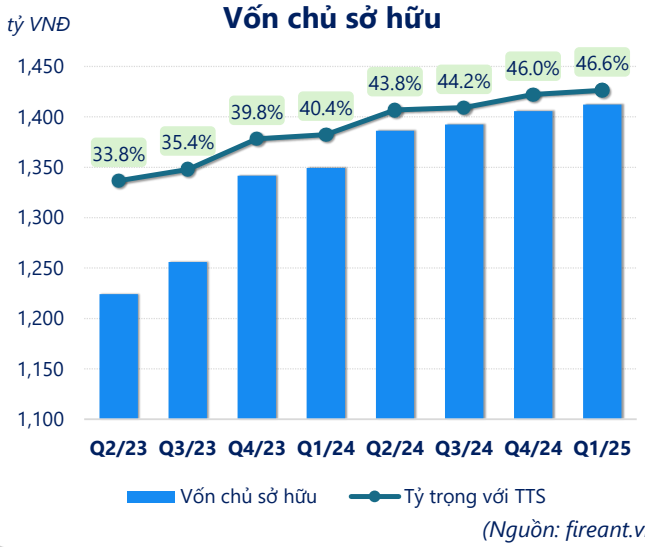
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



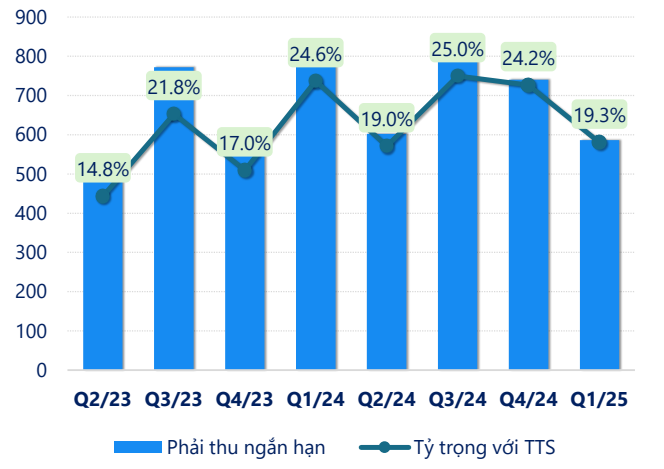
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



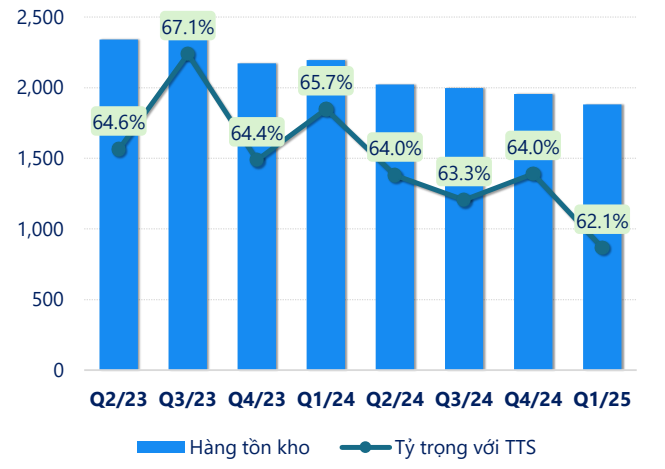
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



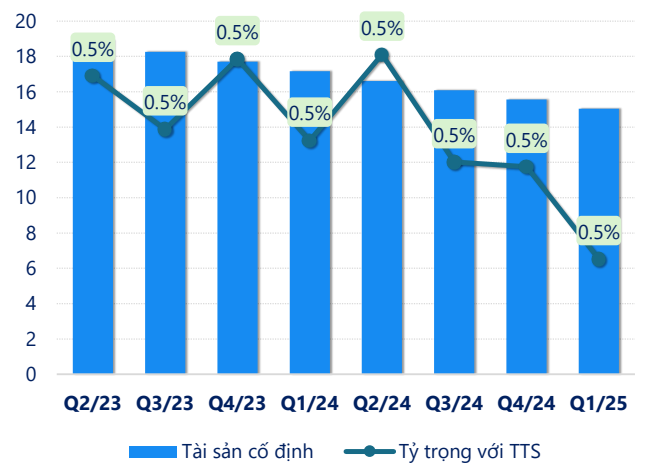
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



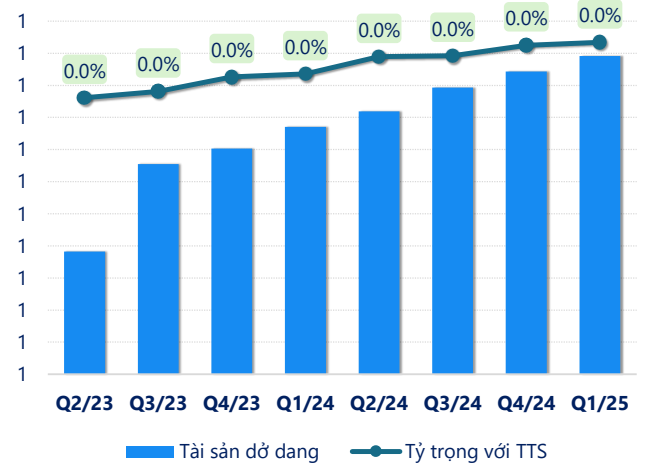
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



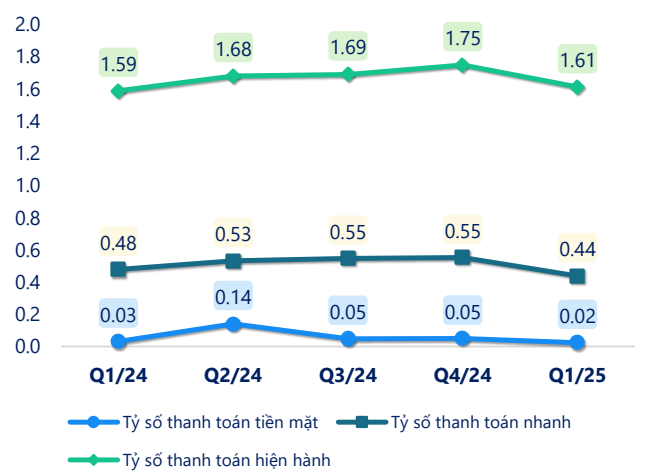
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



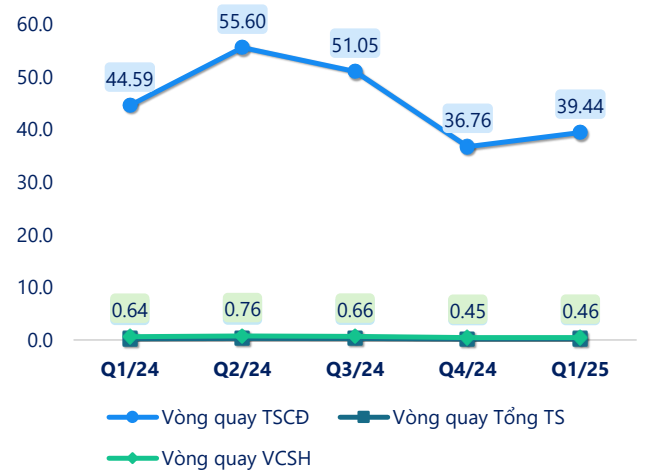
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**3,344**	**3,163**	**3,154**	**3,055**	**3,029**
Tài sản ngắn hạn	**3,140**	**2,960**	**2,952**	**2,859**	**2,584**
Tiền và tương đương tiền	61.5	248	84.9	82.0	37.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	821	602	788	740	586
Hàng tồn kho	2,195	2,023	1,998	1,955	1,882
Tài sản ngắn hạn khác	61.6	87.1	81.3	81.4	78.8
Tài sản dài hạn	**204**	**203**	**202**	**196**	**445**
Phải thu dài hạn	18.0	18.0	18.0	18.0	268
Tài sản cố định	17.2	16.6	16.1	15.6	15.0
Bất động sản đầu tư	14.1	13.5	12.9	12.3	11.7
Tài sản dở dang	0.71	0.71	0.71	0.71	0.71
Đầu tư tài chính dài hạn	146	146	146	146	146
Tài sản dài hạn khác	7.84	7.92	7.83	3.25	3.24
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,994**	**1,777**	**1,761**	**1,649**	**1,617**
Nợ ngắn hạn	**1,977**	**1,761**	**1,747**	**1,635**	**1,604**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	132	119	120	116	116
Phải trả người bán ngắn hạn	437	427	416	414	392
Nợ dài hạn	17.4	15.8	14.6	13.9	12.7
Vay và nợ thuê dài hạn	2.28	1.51	1.05	1.20	0.75
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,349**	**1,386**	**1,392**	**1,406**	**1,412**
Vốn chủ sở hữu	**1,349**	**1,386**	**1,392**	**1,406**	**1,412**
Vốn điều lệ	1,117	1,117	1,252	1,252	1,252
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)